



/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động
của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam****BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Hội đồng thành viên Công ty mẹ - Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam (Văn bản số 27/CV-VEAM/HĐTV ngày 20 tháng 6 năm 2013 kèm theo Điều lệ);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ - Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng, Cục trưởng thuộc Bộ, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên Công ty mẹ - Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban ĐM và PTDN Bộ;
- Lưu: VT, TCCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Lê Dương Quang**

BỘ CÔNG THƯƠNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY
MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5285 /QĐ-BCT
ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Định nghĩa và giải thích.

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công ty mẹ là Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam, hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo qui định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam còn được gọi tắt là VEAM.

2. Cụm từ “Tổng công ty” được sử dụng là một thành tố phụ trợ cấu thành tên riêng của Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam.

3. Công ty con là công ty do Công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ; nắm cổ phần, vốn góp chi phối, các đơn vị thành viên của Công ty mẹ bao gồm các loại hình công ty sau:

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

c) Công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

d) Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ là các đơn vị hạch toán phụ thuộc nằm trong cơ cấu của Công ty mẹ - Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam bao gồm các đơn vị trực thuộc hoạt động kinh doanh và các đơn vị trực thuộc không hoạt động kinh doanh;

đ) Các Viện nghiên cứu khoa học là các đơn vị thành viên do Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ, được chuyển đổi và hoạt động theo quy định của pháp luật;

e) Công ty ở nước ngoài, hoạt động theo pháp luật nước ngoài và Luật Doanh nghiệp;

g) Các loại hình công ty khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Công ty liên kết là công ty mà Công ty mẹ có cổ phần, vốn góp dưới 50%, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan.

5. Quyền chi phối là quyền quyết định hoặc tác động của Công ty mẹ đến các Công ty con, Công ty liên kết về điều lệ hoạt động, nhân sự chủ chốt, tổ chức bộ máy quản lý, thị trường tiêu thụ, chiến lược kinh doanh, định hướng đầu tư và các vấn đề quan trọng khác được quy định tại điều lệ của Công ty con, Công ty liên kết và quy định của pháp luật. Điều kiện để Công ty mẹ có quyền chi phối các Công ty con là: Công ty mẹ với tư cách chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn trên 50% vốn điều lệ của các Công ty con. Điều kiện để Công ty mẹ có quyền chi phối các Công ty liên kết là Công ty mẹ nắm quyền sở hữu: "thương hiệu sản phẩm", "bí quyết công nghệ", "thị trường tiêu thụ" của các Công ty liên kết này và được ghi trong điều lệ của Công ty liên kết hoặc trong hợp đồng liên kết theo quy định của pháp luật.

6. Cổ phần chi phối, vốn góp chi phối là cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty mẹ chiếm trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty con, hay cùng với Công ty con, Công ty liên kết khác chiếm một tỷ lệ khác mà theo quy định pháp luật và điều lệ của công ty đủ để Công ty mẹ thực hiện quyền chi phối đối với công ty đó.

7. Lợi nhuận đầu tư là lợi nhuận mà Công ty mẹ thu được từ các hoạt động đầu tư ra ngoài Công ty mẹ.

8. Đầu tư ra ngoài Công ty mẹ là hoạt động đầu tư vốn của Công ty mẹ vào vốn điều lệ của các Công ty con, Công ty liên kết và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Các từ ngữ khác trong Điều lệ này đã được định nghĩa trong Bộ Luật dân sự, Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, tư cách pháp nhân của Công ty mẹ

1. Tên hợp pháp đầy đủ của Công ty mẹ:

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM.

2. Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

VIETNAM ENGINE AND AGRICULTURAL MACHINERY CORPORATION.

3. Tên viết tắt bằng tiếng Anh: **VEAM**

4. Trụ sở chính của Công ty Mẹ: **Lô D, Khu D1, Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội.**

5. Website: <http://www.veam.com.vn>

6. Hình thức tổ chức, tư cách pháp nhân:

a) Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 153/HĐBT ngày 12/05/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và được thành lập lại theo Quyết định số 1119/QĐ-TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương), được chuyển đổi hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3367/QĐ-BCT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, trong đó công ty mẹ là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

b) VEAM có tên, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ tại các ngân hàng trong nước và nước ngoài;

c) Công ty mẹ có bộ máy quản lý và điều hành, có trụ sở chính trong nước; có quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, hoạt động theo Điều lệ của Công ty mẹ và các quy định khác của pháp luật;

d) Công ty mẹ có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ bằng toàn bộ tài sản của Công ty mẹ;

đ) Công ty mẹ có quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, thương hiệu sản phẩm, biểu tượng riêng của Công ty mẹ, theo quy định của pháp luật.

e) VEAM có trách nhiệm kế thừa các quyền và nghĩa vụ hợp pháp của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp trước đây.

g) Tổ hợp Công ty mẹ - công ty con không có tư cách pháp nhân.

Điều 3. Chủ sở hữu và Đại diện chủ sở hữu của VEAM

1. Nhà nước là chủ sở hữu của VEAM.

2. Bộ Công Thương là Đại diện chủ sở hữu nhà nước tại VEAM, có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động, ngành, nghề kinh doanh của VEAM

1. Mục tiêu hoạt động:

a) Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, đầu tư tại VEAM và hoàn thành các nhiệm vụ do chủ sở hữu giao;

b) Tối đa hoá hiệu quả hoạt động của VEAM trong hoạt động đầu tư, kinh doanh trong VEAM và nhóm các Công ty con, Công ty liên kết.

2. Ngành, nghề kinh doanh:

a) Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất kinh doanh, dịch vụ và xuất khẩu trực tiếp các loại máy động lực, thiết bị máy móc phục vụ cho các ngành nông lâm ngư nghiệp và các ngành kinh tế; ô tô xe máy, các phương tiện vận tải và phụ tùng thay thế, chi tiết và các cụm chi tiết đồng bộ, các loại vật tư, dụng cụ, tiến hành các hoạt động kinh doanh khác theo pháp luật và thực hiện các nghĩa vụ khác do nhà nước giao;

- Tổ chức nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công nhân phục vụ cho hoạt động của ngành và Tổng công ty.

b) Ngành nghề kinh doanh có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gang thép, hợp kim màu; xây dựng dân dụng và công nghiệp;

- Khai thác, chế biến kinh doanh quặng các loại;

- Quản lý, đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (lĩnh vực hoạt động của VEAM);

c) Sản xuất và kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật và theo quyết định của Bộ Công Thương.

Điều 5. Người đại diện theo pháp luật

Tổng giám đốc VEAM là người đại diện theo pháp luật của VEAM.

Điều 6. Quan hệ với cơ quan Nhà nước và chính quyền địa phương

1. Công ty mẹ chịu sự quản lý của Bộ Công Thương với tư cách là đại diện Chủ sở hữu nhà nước, có quyền và nghĩa vụ gắn liền với vốn đầu tư tại Công ty mẹ và các công ty con, công ty liên kết.

2. Công ty mẹ chịu sự quản lý nhà nước, quản lý chuyên ngành của các cơ quan quản lý nhà nước khác theo quy định của pháp luật.

3. Công ty mẹ thực hiện các nghĩa vụ với chính quyền địa phương nơi đặt trụ sở Công ty mẹ theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong VEAM

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong VEAM hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong VEAM hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. VEAM tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỚI VEAM

Điều 8. Đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam

Bộ Công Thương là Đại diện chủ sở hữu nhà nước tại VEAM, có các quyền sau đây:

1. Trình Thủ tướng Chính phủ Đề án tổ chức, sắp xếp lại, đổi mới, chuyển đổi sở hữu. Phê duyệt chủ trương thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của VEAM.

2. Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ.

3. Tổ chức thực hiện Đề án tổ chức, thành lập, sắp xếp lại, đổi mới, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản VEAM và các công ty 100% vốn điều lệ của VEAM sau khi trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Thực hiện điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh của VEAM theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức, cá nhân khác trong quá trình hoạt động của Tổng công ty sau khi có sự thỏa thuận với Bộ Tài chính.

5. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, chấp nhận từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên của Tổng công ty và trả lương cho chức danh Kiểm soát viên này.

6. Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm; danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B hằng năm và thông báo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, giám sát.

7. Phê duyệt chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn, thoái vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp thành viên và các doanh nghiệp khác có vốn góp của VEAM; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết theo quy định của pháp luật.

8. Phê duyệt chủ trương vay, cho vay, mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của Tổng công ty; phê duyệt chủ trương vay nợ

nước ngoài của Tổng công ty sau khi đề nghị Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận.

9. Quyết định lương của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên Tổng giám đốc, Kiểm soát viên VEAM theo quy định của pháp luật; quỹ lương hằng năm của Hội đồng thành viên VEAM.

10. Chấp thuận đề Hội đồng thành viên VEAM phê duyệt báo cáo tài chính hằng năm, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

11. Thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; việc thực hiện chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng của VEAM. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, ngành, nghề kinh doanh được giao và kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Đánh giá đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng trong việc quản lý, điều hành Tổng công ty.

12. Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu đối với VEAM theo quy định của pháp luật

13. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VEAM.

Điều 9. Nghĩa vụ của Đại diện chủ sở hữu

1. Xác định và tách biệt tài sản của Đại diện chủ sở hữu và tài sản của VEAM.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa VEAM và Đại diện chủ sở hữu.

3. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VEAM.

Chương III QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA VEAM

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ đối với vốn và tài sản

1. Quyền của VEAM đối với vốn và tài sản:

a) Chiếm hữu, sử dụng vốn và tài sản của VEAM để kinh doanh và thực hiện các lợi ích hợp pháp từ vốn và tài sản của VEAM theo quy định của pháp luật;

- b) Định đoạt về vốn và tài sản của VEAM theo quy định của pháp luật;
- c) Quản lý và sử dụng các tài sản là đất đai, tài nguyên do Nhà nước đầu tư hoặc cho thuê theo quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên;
- d) Đầu tư ra ngoài VEAM dưới các hình thức mua trái phiếu, cổ phiếu, liên doanh, góp vốn, chuyển nhượng vốn và các hình thức khác theo quy định của pháp luật;
- đ) Thực hiện quyền của chủ sở hữu đối với phần vốn đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết theo quy định của Điều lệ này, Quy chế quản lý tài chính của VEAM, điều lệ của các công ty con, công ty liên kết và quy định của pháp luật;
- ~~e) Quyết định tỷ lệ cổ phần do VEAM nắm giữ khi cổ phần hóa các công ty con hoặc công ty hạch toán phụ thuộc theo quy định của pháp luật;~~
- g) Nhà nước không điều chuyển vốn nhà nước đầu tư tại VEAM và vốn, tài sản của VEAM theo phương thức không thanh toán, trừ trường hợp quyết định tổ chức lại VEAM hoặc thực hiện mục tiêu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Nghĩa vụ của VEAM đối với vốn và tài sản:

- a) Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại VEAM và vốn VEAM tự huy động; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của VEAM trong phạm vi số tài sản của VEAM;
- b) Định kỳ đánh giá lại tài sản của VEAM theo quy định của pháp luật và Quy chế quản lý tài chính của VEAM;
- c) Thực hiện các nghĩa vụ khác đối với vốn và tài sản của VEAM theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ trong kinh doanh

1. Quyền của VEAM trong kinh doanh:

- a) Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; mở rộng quy mô, ngành, nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;
- b) Chủ động tổ chức sản xuất, kinh doanh, kế hoạch phối hợp sản xuất, kinh doanh, tổ chức bộ máy quản lý theo yêu cầu kinh doanh và đảm bảo kinh doanh có hiệu quả;
- c) Tìm kiếm thị trường, khách hàng trong nước và ngoài nước, ký kết hợp đồng;

d) Mở chi nhánh, văn phòng đại diện của VEAM ở trong nước, ở nước ngoài phù hợp với các quy định của pháp luật;

đ) Quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ, trừ những sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

e) Quyết định các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; sử dụng vốn và tài sản của VEAM để liên doanh, liên kết, góp vốn vào doanh nghiệp khác; thuê, mua một phần hoặc toàn bộ công ty khác theo quy định của pháp luật;

g) Sử dụng vốn của VEAM hoặc vốn huy động để đầu tư thành lập các doanh nghiệp trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

~~h) Cử cán bộ, nhân viên ra nước ngoài học tập, công tác; mời các đối~~
tác kinh doanh nước ngoài đến làm việc tại VEAM theo quy định của pháp luật;

i) Tuyển chọn, ký kết hợp đồng lao động; bố trí, sử dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng lao động; lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng cho người lao động trên cơ sở hiệu quả sản xuất, kinh doanh và các quy định của pháp luật về lao động, tiền lương, tiền công.

k) Xây dựng, áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật, lao động, vật tư, đơn giá tiền lương và chi phí khác trên cơ sở bảo đảm hiệu quả kinh doanh của VEAM và phù hợp với các quy định của pháp luật;

l) Được bảo hộ đối với sở hữu trí tuệ, tên gọi, biểu tượng, thương hiệu sản phẩm của VEAM theo quy định của pháp luật;

m) Khước từ việc thanh tra, kiểm tra không theo đúng quy định của pháp luật;

n) Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh;

o) Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

p) Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật;

q) Có các quyền kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của VEAM trong kinh doanh:

a) Kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; bảo đảm và chịu

trách nhiệm về chất lượng sản phẩm và dịch vụ do VEAM thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố;

b) Xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh của VEAM và định hướng chiến lược của các công ty con;

c) Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán;

d) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và yêu cầu của chủ sở hữu VEAM;

đ) Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện các quy định của pháp luật về vệ sinh - an toàn lao động; bảo vệ an ninh, quốc phòng; trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ tài nguyên, môi trường; di tích lịch sử, văn hóa, danh lam, thắng cảnh;

g) Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh;

h) Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động; bảo đảm quyền tham gia quản lý VEAM của người lao động theo quy định của pháp luật;

i) Chịu sự kiểm tra, giám sát của chủ sở hữu VEAM; chấp hành các quyết định thanh tra của cơ quan tài chính, kiểm toán nhà nước và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

k) Chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu của VEAM về việc sử dụng vốn để tham gia các dự án đầu tư, thành lập các công ty con, công ty liên kết;

l) Thực hiện các nghĩa vụ khác trong kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ về tài chính

1. Quyền của VEAM về tài chính:

a) Huy động vốn để kinh doanh dưới hình thức phát hành trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu của VEAM; vay vốn của các tổ chức tín dụng và các tổ chức tài chính khác trong và ngoài nước; vay vốn của người lao động trong VEAM và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

Việc huy động vốn để kinh doanh thực hiện theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn huy động, không được làm thay đổi hình thức sở hữu VEAM.

Việc huy động vốn ở nước ngoài phải có ý kiến phê duyệt của Bộ Công Thương và ý kiến thẩm định, chấp thuận của Bộ Tài chính;

b) Quyết định trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên tắc mức trích tối thiểu phải bảo đảm bù đắp hao mòn hữu hình, hao mòn vô hình của tài sản cố định và không thấp hơn tỷ lệ trích khấu hao tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Chủ động sử dụng vốn cho hoạt động kinh doanh của VEAM; được thành lập, sử dụng, quản lý các quỹ của VEAM theo quy định của pháp luật;

d) Được chi thưởng sáng kiến đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý và công nghệ; thưởng tăng năng suất lao động; thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí. Các khoản tiền thưởng này được hạch toán vào chi phí kinh doanh, được thực hiện một lần với mức thưởng tối đa không quá mức hiệu quả của sáng kiến đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý và công nghệ, tăng năng suất lao động, tiết kiệm vật tư và chi phí mang lại trong một năm;

đ) Được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá hoặc các chế độ ưu đãi khác của Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ hoạt động công ích, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo chính sách giá của Nhà nước không đủ bù đắp chi phí sản xuất sản phẩm, dịch vụ này của VEAM;

e) Được hưởng các chế độ ưu đãi đầu tư hoặc tái đầu tư theo quy định của pháp luật;

g) Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực trái pháp luật của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ trường hợp khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích;

h) Yêu cầu các công ty con phải cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất, kinh doanh của Tổ hợp công ty mẹ - công ty con;

i) Sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, chuyển lỗ theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, trích lập quỹ dự phòng tài chính, phần lợi nhuận thực hiện còn lại được phân chia và sử dụng theo quy định của pháp luật. Trường hợp VEAM còn nợ đến hạn phải trả mà chưa trả hết thì chỉ được tăng lương, trích thưởng cho công nhân viên của VEAM, kể cả người quản lý sau khi đã trả hết nợ đến hạn;

k) Được bảo lãnh, thế chấp và tín chấp cho các công ty con vay vốn của các tổ chức tín dụng, ngân hàng ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;

l) Quyết định việc đầu tư góp vốn; điều chỉnh tỷ lệ vốn đầu tư, vốn góp của VEAM tại các công ty con, công ty liên kết theo quy định của pháp luật;

m) Giám sát, kiểm tra việc sử dụng vốn đầu tư của VEAM tại các công ty con, công ty liên kết; chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đầu tư ra ngoài VEAM;

n) Được quyền sử dụng phần vốn của Nhà nước thu về do chuyển đổi sở hữu, nhượng bán ở các công ty con, các đơn vị hạch toán phụ thuộc và công ty liên kết theo quy định của pháp luật;

o) Các quyền khác về quản lý tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ về tài chính của VEAM:

a) Tự chủ về tài chính, tự cân đối các khoản thu, chi; kinh doanh có lãi, bảo đảm chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu do chủ sở hữu giao; đăng ký, kê khai và nộp đủ thuế; thực hiện nghĩa vụ đối với chủ sở hữu và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Quản lý, sử dụng có hiệu quả: vốn kinh doanh bao gồm cả phần vốn đầu tư vào các công ty con và doanh nghiệp khác; tài nguyên, đất đai, mặt nước và các nguồn lực khác do Nhà nước giao, cho thuê;

c) Sử dụng vốn và các nguồn lực khác để thực hiện các hoạt động công ích và các nhiệm vụ đặc biệt khác khi Nhà nước yêu cầu;

d) Chấp hành đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, chế độ hạch toán kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp pháp đối với các hoạt động tài chính của VEAM;

đ) Thực hiện chế độ báo cáo tài chính của VEAM; báo cáo tài chính hợp nhất của Tổ hợp công ty mẹ - công ty con; công khai tài chính hàng năm và cung cấp các thông tin khác để đánh giá trung thực về hiệu quả hoạt động của VEAM;

e) Lập sổ kế toán, ghi chép sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ; định kỳ báo cáo đầy đủ, chính xác các thông tin về VEAM và báo cáo tài chính của VEAM với cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, cơ quan tài chính và chủ sở hữu theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo đó;

g) Các nghĩa vụ khác về tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Nghĩa vụ và trách nhiệm của VEAM với các công ty con, công ty liên kết trong quan hệ phát triển chung của Tổ hợp công ty mẹ - công ty con

1. VEAM định hướng chiến lược kinh doanh của Tổ hợp công ty mẹ - công ty con phù hợp với Điều lệ của VEAM và Điều lệ của các công ty thành viên trong Tổ hợp. VEAM thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn thông qua người đại diện phần vốn góp của VEAM tại các công ty đó để bảo đảm hiệu quả đầu tư vốn và thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển chung của Tổ hợp công ty mẹ - công ty con.

2. Phối hợp hoạt động kinh doanh giữa các công ty thành viên trong Tổ hợp công ty mẹ - công ty con để tìm kiếm, cung cấp nguồn đầu vào, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ mà từng doanh nghiệp đơn lẻ không có khả năng thực hiện hoặc thực hiện kém hiệu quả; hạn chế tình trạng đầu tư, kinh doanh trùng lặp vào một số sản phẩm, dịch vụ dẫn đến sự cạnh tranh trong nội bộ, phân tán, lãng phí nguồn lực, giảm hiệu quả kinh doanh chung của Tổ hợp công ty mẹ - công ty con; phối hợp các công ty con, công ty liên kết trong việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của nhau khi có nhu cầu.

3. VEAM thực hiện hoạt động nghiên cứu, tiếp thị, xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho các công ty thành viên trong Tổ hợp công ty mẹ - công ty con mở rộng và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh; nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, hình thành ngân hàng mẫu về nhãn hiệu sản phẩm, ký hợp đồng với các công ty thành viên trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của VEAM và thu phí bản quyền sở hữu công nghiệp.

4. VEAM không được lạm dụng quyền chi phối theo vốn góp làm tổn hại đến lợi ích của các công ty con, chủ nợ, cổ đông, thành viên góp vốn khác và các bên có liên quan. VEAM phải tôn trọng quyền của cổ đông, bên có vốn góp thiểu số trong các công ty con, công ty liên kết, phù hợp với quy định trong Điều lệ của các công ty đó.

5. Trường hợp thực hiện các hoạt động sau đây mà không có sự thỏa thuận với các công ty con, công ty liên kết, gây thiệt hại cho các công ty này và các bên liên quan thì VEAM phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các công ty đó và các bên liên quan:

a) Buộc công ty con phải ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế không bình đẳng và bất lợi đối với các công ty này;

b) Điều chuyển vốn, tài sản của công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gây thiệt hại cho công ty bị điều chuyển, trừ các trường hợp: điều chuyển theo phương thức thanh toán; quyết định tổ chức lại công ty; thực hiện mục tiêu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

c) Điều chuyển một số hoạt động kinh doanh có hiệu quả, có lãi từ công ty con này sang công ty con khác mà không có sự thỏa thuận của công ty bị điều chuyển, dẫn đến công ty đó bị lỗ hoặc giảm sút lợi nhuận nghiêm trọng;

d) Quyết định các nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh đối với các công ty con trái với điều lệ và pháp luật; giao nhiệm vụ cho công ty con, công ty liên kết không dựa trên cơ sở kế hoạch phối hợp kinh doanh và hợp đồng kinh tế;

đ) Buộc công ty con cho VEAM hoặc công ty khác vay vốn với lãi suất thấp, điều kiện vay và thanh toán không hợp lý hoặc phải cung cấp các khoản tiền vay để VEAM, công ty khác thực hiện các hợp đồng kinh tế có nhiều rủi ro đối với hoạt động kinh doanh của công ty đó.

Chương IV

TỔ CHỨC QUẢN LÝ VEAM

Điều 14. Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Công ty mẹ có cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành gồm:

- a) Hội đồng thành viên;
- b) Kiểm soát viên;
- c) Tổng giám đốc; các Phó Tổng giám đốc; Kế toán trưởng;
- d) Bộ máy giúp việc, Kiểm soát nội bộ.

2. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của VEAM có thể thay đổi để phù hợp với yêu cầu kinh doanh trong quá trình hoạt động.

Mục 1

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Điều 15. Cơ cấu, chức năng của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên có năm (5) thành viên, trong đó có thành viên chuyên trách và thành viên không chuyên trách. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải là thành viên chuyên trách. Hội đồng thành viên do Bộ Công Thương quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng thành viên là năm năm. Thành viên Hội đồng thành viên có thể được bổ nhiệm lại.

2. Hội đồng thành viên tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu được giao tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật; có quyền nhân danh VEAM thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VEAM; thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu các công ty con do VEAM đầu tư toàn bộ vốn điều lệ và đối với phần vốn góp của VEAM ở doanh nghiệp khác.

3. Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm trước Bộ Công Thương và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 16. Quyền, trách nhiệm của Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên, là đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại VEAM, có các quyền, trách nhiệm sau đây:

1. Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của VEAM sau khi đề nghị và được Bộ Công Thương phê duyệt.

2. Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hằng năm của VEAM và gửi quyết định đến Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, giám sát.

3. Đề nghị Bộ Công Thương bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc VEAM.

4. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng VEAM.

5. Đề nghị Bộ Công Thương: điều chỉnh vốn điều lệ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty; trình Thủ tướng Chính phủ quyết định tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản VEAM.

6. Quyết định việc góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của công ty tại các doanh nghiệp khác; việc tiếp nhận công ty con, công ty liên kết, sau khi đề nghị và được Bộ Công Thương phê duyệt chủ trương.

7. Cử Người đại diện phần vốn góp của VEAM tại doanh nghiệp khác; giao nhiệm vụ cho Người đại diện phần vốn góp của VEAM quyết định các nội dung theo quy định của pháp luật về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

8. Quyết định, phân cấp quyết định dự án đầu tư, hợp đồng vay, cho vay, mua, bán tài sản có giá trị dưới 50% vốn điều lệ của VEAM theo các quy định của pháp luật.

9. Đề nghị Bộ Công Thương phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài.

10. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác sau khi đề nghị và được Bộ Công Thương phê duyệt chủ trương.

11. Quy định các quy chế quản lý nội bộ của VEAM. Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ sau khi được Bộ Công Thương chấp thuận.

~~12. Quyết định lương đối với các chức danh do Hội đồng thành viên bổ nhiệm.~~

13. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của VEAM.

14. Quyền, trách nhiệm của Hội đồng thành viên đối với công ty con 100% vốn VEAM:

a) Trình Bộ Công Thương quyết định thành lập, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật;

b) Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ;

c) Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của công ty theo quy định của pháp luật;

d) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc, Kiểm soát viên và trả lương cho chức danh Kiểm soát viên này;

đ) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm;

e) Phê duyệt chủ trương vay, cho vay, mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của công ty;

g) Phê duyệt báo cáo tài chính hằng năm, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

15. Thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể và theo lộ trình, kế hoạch của Bộ Công Thương.

16. Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành VEAM tuân thủ đúng quy định của pháp luật và các quyết định của chủ sở hữu; quản lý sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả; báo cáo kịp thời cho chủ sở hữu về việc doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do chủ sở hữu giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

Điều 17. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng thành viên

Thành viên Hội đồng thành viên phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.

2. Tốt nghiệp đại học trở lên và có năng lực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải có kinh nghiệm ít nhất ba năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của VEAM.

3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

4. Không giữ các chức vụ quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp trong Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam. Trường hợp là cán bộ, công chức, lãnh đạo trong bộ máy nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội phải được cấp có thẩm quyền cử và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Không là những người đã từng làm thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc/Giám đốc của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước mà bị cách chức, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn hoặc làm công ty thua lỗ hai năm liên tiếp.

6. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Điều 18. Miễn nhiệm, thay thế thành viên Hội đồng thành viên

1. Thành viên Hội đồng thành viên bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Bị Tòa án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực của pháp luật;

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao; bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Không tuân thủ các quyết định của chủ sở hữu; vi phạm Điều lệ, quy chế của VEAM, quyết định của Hội đồng thành viên gây thiệt hại cho VEAM.

d) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lạm dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của VEAM.

2. Thành viên Hội đồng thành viên được thay thế trong những trường hợp sau:

a) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật;

b) Khi có quyết định nghỉ hưu, điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

3. Trường hợp thay thế Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên thì trong thời hạn 60 ngày Hội đồng thành viên phải họp đề kiến nghị Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định việc tuyển chọn, bổ nhiệm người thay thế.

Điều 19. Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên do Bộ Công Thương bổ nhiệm trong số các thành viên Hội đồng thành viên. Chủ tịch Hội đồng thành viên không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc VEAM.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Thay mặt Hội đồng thành viên ký nhận vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do chủ sở hữu giao cho VEAM; quản lý VEAM theo quyết định của Hội đồng thành viên.

b) Tổ chức nghiên cứu chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, dự án đầu tư quy mô lớn; cơ cấu tổ chức của VEAM để trình Hội đồng thành viên.

c) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên; quyết định chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc đề lấy ý kiến các thành viên; triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên.

d) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên.

đ) Thay mặt Hội đồng thành viên hoặc ủy quyền cho thành viên khác của Hội đồng thành viên ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên; có trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu VEAM về việc chậm trễ hoặc không ký các quyết định của Hội đồng thành viên.

e) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Chế độ làm việc của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên làm việc theo chế độ tập thể; họp ít nhất một lần trong một quý để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Hội đồng thành viên có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của VEAM do Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc VEAM hoặc trên 50% tổng số thành viên Hội đồng thành viên đề nghị. Đối với những vấn đề không yêu cầu thảo luận thì Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản. Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản hoặc biểu quyết trong cuộc họp.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên triệu tập và chủ trì cuộc họp của Hội đồng thành viên. Nội dung và tài liệu cuộc họp phải gửi đến các thành viên Hội đồng thành viên và các đại biểu được mời dự họp (nếu có) trước ngày họp ít nhất ba ngày. Trường hợp vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng thành viên triệu tập và chủ trì cuộc họp của Hội đồng thành viên.

3. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không đồng ý triệu tập và chủ trì cuộc họp bất thường theo đề nghị của trên 50% số thành viên Hội đồng thành viên thì số thành viên này được quyền cử người triệu tập và chủ trì họp.

4. Cuộc họp của Hội đồng thành viên hợp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Hội đồng thành viên tham dự. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng thành viên tham dự biểu quyết tán thành hoặc có ý kiến bằng văn bản chấp thuận. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, tổ chức lại, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của VEAM phải được ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên tham dự biểu quyết tán thành hoặc có ý kiến bằng văn bản chấp thuận. Trường hợp có số phiếu ngang nhau thì bên có phiếu của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền chủ trì cuộc họp là quyết định. Thành viên Hội đồng thành viên có quyền bảo lưu ý kiến của mình, nhưng vẫn phải chấp hành nghị quyết, quyết định đã được Hội đồng thành viên thông qua và được quyền kiến nghị lên chủ sở hữu.

5. Đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên cần phải giải quyết ngay mà không thể triệu tập họp Hội đồng thành viên hoặc không thể lấy ý kiến bằng văn bản thì Chủ tịch Hội đồng thành viên hội ý với Tổng giám đốc VEAM và các thành viên chuyên trách có mặt để quyết định, sau đó báo cáo lại Hội đồng thành viên.

6. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, các quyết định được Hội đồng thành viên thông qua và kết luận của các cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được ghi thành biên bản hoặc được thể hiện dưới hình thức văn bản. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính trung thực của biên bản họp Hội đồng thành viên. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên có giá trị pháp lý kể từ ngày được thông qua, trừ các trường hợp phải được Chủ sở hữu chấp thuận.

7. Thành viên Hội đồng thành viên có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ quản lý của VEAM cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của VEAM theo quy định thông tin do Hội đồng thành viên quy định hoặc theo nghị quyết của Hội đồng thành viên. Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác theo đúng yêu cầu của thành viên Hội đồng thành viên, trừ trường hợp Hội đồng thành viên có quyết định khác.

8. Hội đồng thành viên sử dụng bộ máy giúp việc, con dấu của VEAM để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

9. Chi phí hoạt động của Hội đồng thành viên và của các cơ quan thuộc Hội đồng thành viên, kể cả tiền lương, phụ cấp và thù lao được tính vào chi phí quản lý của VEAM theo quy định của pháp luật.

10. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng thành viên được quyền tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền Hội đồng thành viên. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia, tư vấn được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của VEAM.

Mục 2

KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 21. Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên VEAM có tối đa 03 người, nhiệm kỳ không quá 03 năm.

Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, chấp nhận từ chức, khen thưởng, kỷ luật và trả lương cho Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

2. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp;

b) Không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành VEAM, các doanh nghiệp thành viên của VEAM hoặc là người có liên quan đến người quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định tại các điểm a, c và d khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

c) Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành, nghề kinh doanh chính của VEAM.

3. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu của VEAM về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

4. Kiểm soát viên có các nhiệm vụ sau đây:

a) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và cân trọng của Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc VEAM trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của VEAM; trong triển khai thực hiện Điều lệ VEAM; trong thực hiện mục tiêu, chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hàng năm và ngành nghề kinh doanh của VEAM; trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính VEAM và báo cáo tài chính hợp nhất toàn Tổng công ty; trong thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng tại VEAM;

b) Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình chủ sở hữu công ty hoặc cơ quan nhà nước có liên quan; hàng năm, trình chủ sở hữu công ty báo cáo thẩm định và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng thành viên;

c) Kiến nghị chủ sở hữu các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của VEAM;

d) Khi phát hiện sai sót hoặc có hành vi vi phạm của Hội đồng thành viên, người quản lý điều hành phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng thành viên và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hiệu quả.

Sau bảy ngày kể từ ngày ra thông báo trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả thì Kiểm soát viên phải báo cáo chủ sở hữu xem xét và giải quyết.

e) Các nhiệm vụ khác quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu, quyết định của chủ sở hữu.

5. Kiểm soát viên có các quyền sau:

a) Yêu cầu cung cấp bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của VEAM tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của VEAM. Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng

giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về thực hiện quyền chủ sở hữu, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của VEAM theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

b) Được sử dụng con dấu của VEAM cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên. VEAM phối hợp với Kiểm soát viên xây dựng quy chế sử dụng con dấu đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật.

c) Được sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao sau khi có sự đồng ý bằng văn bản của chủ sở hữu.

d) Kiểm soát viên có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng thành viên trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên chủ sở hữu.

6. Kiểm soát viên hoạt động theo Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên tại Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành.

Mục 3

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 22. Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của VEAM, điều hành hoạt động hàng ngày của VEAM theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên phù hợp với Điều lệ VEAM; chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Điều 23. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc do Bộ Công Thương bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức hoặc ký hợp đồng, ký tiếp hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Hội đồng thành viên VEAM.

2. Tổng giám đốc được bổ nhiệm, ký hợp đồng với nhiệm kỳ không quá năm năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại.

3. Người được tuyển chọn làm Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Thường trú tại Việt Nam.

b) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

c) Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng thành viên VEAM, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Tổng giám đốc.

d) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý, điều hành VEAM; có ít nhất ba năm kinh nghiệm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của VEAM.

đ) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật.

4. Những đối tượng không được tuyển chọn để bổ nhiệm, ký hợp đồng làm Tổng giám đốc:

a) Người đã làm Tổng giám đốc, Giám đốc công ty nhà nước nhưng bị cách chức, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn hoặc làm công ty thua lỗ hai năm liên tiếp;

b) Thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Thay thế, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc

1. Bộ Công Thương quyết định việc miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng, hoặc thay thế trước thời hạn với Tổng giám đốc theo đề nghị của Hội đồng thành viên VEAM.

2. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Hội đồng thành viên; chủ sở hữu nhà nước giao hoặc không hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký với Hội đồng thành viên mà không giải trình được nguyên nhân khách quan và được chủ sở hữu nhà nước chấp nhận; để VEAM bị lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu do chủ sở hữu giao hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng lỗ lãi đan xen nhưng không khắc phục được, trừ các trường hợp: lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu có lý do khách quan được giải trình và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận; những năm mới hoạt động, đầu tư mới, đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ mà trong báo cáo khả thi đã xác định có lỗ;

b) VEAM lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản;

c) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của VEAM;

d) Vi phạm nhiều lần và có hệ thống nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, các quy chế quản lý của VEAM;

đ) Bị tòa án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật;

e) Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

3. Tổng giám đốc được thay thế trong các trường hợp sau:

a) Tự nguyện xin từ chức hoặc chấm dứt hợp đồng;

b) Khi có quyết định điều chuyển, nghỉ hưu hoặc bố trí công việc khác.

Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Xây dựng trình Hội đồng thành viên:

a) Chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm; dự thảo Điều lệ, dự thảo bổ sung Điều lệ; phương án điều chỉnh vốn điều lệ của VEAM;

b) Phương án liên doanh, liên kết của VEAM; phương án phối hợp sản xuất, kinh doanh của các công ty thành viên; phương án thành lập mới, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản các công ty con do VEAM nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ, các đơn vị trực thuộc VEAM ở trong nước và nước ngoài;

c) Dự thảo Điều lệ của các công ty con do VEAM nắm giữ toàn bộ vốn điều lệ; phương án đầu tư vốn để hình thành vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ của các công ty con này;

d) Phương án huy động vốn; các dự án đầu tư; hợp đồng mua, bán, vay, cho vay; thuê, cho thuê, cầm cố, thế chấp tài sản; bán tài sản và hợp đồng kinh tế khác vượt thẩm quyền;

đ) Báo cáo tài chính hàng năm của VEAM; báo cáo tài chính hợp nhất của Tổ hợp công ty mẹ - công ty con; phương án sử dụng lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh;

e) Phương án tổ chức kinh doanh, quy chế quản lý tài chính và các quy chế quản lý nội bộ, chức năng nhiệm vụ của bộ máy giúp việc của VEAM; quy hoạch đào tạo lao động; phương án phân phối tiền lương, tiền thưởng của VEAM;

g) Các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, tiêu chuẩn sản phẩm, đơn giá tiền lương; giá mua, giá bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của VEAM vượt thẩm quyền;

h) Trình Hội đồng thành viên: bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương, phụ cấp đối với: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của VEAM, Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của các công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; cử người đại diện phần vốn góp của VEAM tại doanh nghiệp khác.

2. Tổng giám đốc quyết định:

a) Giá mua, giá bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của VEAM theo phân cấp của Hội đồng thành viên;

b) Các dự án đầu tư; hợp đồng mua, bán, vay, cho vay; thuê, cho thuê, cầm cố, thế chấp tài sản, bán tài sản và hợp đồng kinh tế khác của VEAM theo phân cấp của Hội đồng thành viên và quy định của pháp luật;

c) Ký kết các hợp đồng kinh tế, lao động, dân sự và các giao dịch khác của VEAM. Đối với các hợp đồng có giá trị trên mức phân cấp cho Tổng giám đốc thì Tổng giám đốc chỉ được ký kết sau khi có nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên;

d) Phân công nhiệm vụ cho các Phó Tổng giám đốc;

đ) Cử cán bộ, viên chức, công nhân, người lao động của VEAM, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của các công ty con 100% vốn của VEAM, đơn vị trực thuộc ra nước ngoài công tác, học tập, giải quyết việc riêng; tiếp nhận các cá nhân, các đoàn nước ngoài vào Việt Nam làm việc với VEAM theo quy định hoặc theo phân cấp của Hội đồng thành viên;

e) Tổ chức thực hiện các dự án đầu tư, góp vốn, liên doanh, liên kết; mua, bán tài sản của VEAM; các hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê theo quyết định của Hội đồng thành viên phù hợp với quy định của pháp luật;

g) Kiểm tra các công ty thành viên thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá quy định trong Tổ hợp công ty mẹ - công ty con;

h) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và các hoạt động hàng ngày; kế hoạch phối hợp kinh doanh trong Tổ hợp công ty mẹ - công ty con; công tác kiểm toán, thanh tra; quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ theo phân cấp và các công tác khác nhằm thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên và chủ sở hữu; điều hành hoạt động của VEAM nhằm thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;

i) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và phụ cấp đối với các chức danh: Trưởng, phó Phòng, Ban và tương đương của Công ty mẹ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng các đơn vị phụ thuộc VEAM, Viện trưởng, Phó Viện trưởng các Viện nghiên cứu và các chức danh khác theo phân cấp của Hội đồng thành viên.

3. Có ý kiến đề Chủ tịch các công ty con là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của VEAM bổ nhiệm Tổng giám đốc/Giám đốc theo quy định tại Điều lệ công ty con và các quy định của pháp luật.

4. Thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các công ty thành viên theo sự phân công hoặc ủy quyền của Hội đồng thành viên.

5. Báo cáo Hội đồng thành viên về kết quả hoạt động kinh doanh của VEAM, thực hiện việc công bố công khai các báo cáo tài chính của VEAM theo quy định của pháp luật.

6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

7. Được áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp, nhưng phải báo cáo ngay với Hội đồng thành viên và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Mục 4

NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 26. Mối quan hệ giữa Hội đồng thành viên với Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành VEAM

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho VEAM thì Tổng giám đốc phải báo cáo với Hội đồng thành viên để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Hội đồng thành viên phải xem xét đề nghị của Tổng giám đốc. Trường hợp Hội đồng thành viên không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định, thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng được quyền kiến nghị lên chủ sở hữu VEAM.

2. Trong thời hạn theo quy định của pháp luật, kể từ ngày kết thúc tháng, quý, năm, Tổng giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động và dự kiến phương hướng thực hiện trong kỳ tới của VEAM cho Hội đồng thành viên.

3. Chủ tịch Hội đồng thành viên có quyền tham dự hoặc cử đại diện Hội đồng thành viên tham dự các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng thành viên do Tổng giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người đại diện Hội đồng thành viên dự họp, phát biểu đóng góp ý kiến, nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

4. Trường hợp Tổng giám đốc không là thành viên Hội đồng thành viên thì được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng thành viên và được phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 27. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc VEAM

1. Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc VEAM có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ VEAM, quyết định của chủ sở hữu trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của VEAM và chủ sở hữu;

c) Trung thành với lợi ích của VEAM và chủ sở hữu. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của VEAM, lạm dụng chức vụ, quyền hạn, sử dụng vốn và tài sản của VEAM để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho VEAM về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và người có liên quan của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc làm chủ hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối;

đ) Trong thời gian đang thực hiện trách nhiệm là thành viên Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc và trong thời hạn ba (3) năm sau khi thôi làm thành viên Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc không được tiết lộ bí mật của VEAM, trừ trường hợp được Hội đồng thành viên chấp thuận;

e) Khi VEAM không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì Tổng giám đốc phải báo cáo Hội đồng thành viên, tìm biện pháp khắc phục và thông báo tình hình tài chính của VEAM

cho tất cả chủ nợ biết; trong trường hợp này Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc không được tăng lương, không được trích lợi nhuận trả tiền thưởng cho cán bộ quản lý và người lao động;

g) Khi VEAM không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả mà không thực hiện các quy định tại Điểm e Khoản này thì phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ;

h) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc vi phạm Điều lệ này, quyết định vượt thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho VEAM và chủ sở hữu VEAM thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

i) Không được để vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị em ruột của mình giữ chức danh kế toán trưởng, thủ quỹ của VEAM.

Phải báo cáo Bộ Công Thương về các hợp đồng kinh tế, dân sự của VEAM ký kết với vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc. Trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa ký kết thì có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc không được ký kết hợp đồng đó; nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc phải bồi thường thiệt hại cho VEAM và bị xử lý theo quy định của pháp luật;

k) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về điều hành hoạt động hàng ngày của VEAM, về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

3. Các thành viên Hội đồng thành viên phải cùng chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước pháp luật về các quyết định của Hội đồng thành viên, kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh của VEAM.

4. Khi vi phạm một trong các trường hợp sau đây nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, các thành viên Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc không được thưởng, không được nâng lương và bị xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm:

a) Đẻ VEAM lỗ;

b) Đẻ mất vốn của chủ sở hữu;

c) Quyết định dự án đầu tư không hiệu quả, không thu hồi được vốn đầu tư, không trả được nợ;

d) Không bảo đảm lương và các chế độ khác cho người lao động ở VEAM theo quy định của pháp luật về lao động;

đ) Để xảy ra các sai phạm về quản lý vốn, tài sản, về chế độ kế toán, kiểm toán và các chế độ khác theo quy định của pháp luật.

5. Các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương và của pháp luật.

Mục 5

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC, KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Điều 28. Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng

1. VEAM có các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng thành viên bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Tổng giám đốc với thời hạn không quá năm năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

Số lượng Phó Tổng giám đốc không quá 05 người. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định.

2. Các Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành VEAM theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công hoặc ủy quyền; việc ủy quyền có liên quan đến việc ký kết hợp đồng kinh tế hoặc liên quan đến việc sử dụng con dấu của VEAM đều phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Kế toán trưởng VEAM có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của VEAM; giúp Tổng giám đốc giám sát tài chính tại VEAM theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền; tiêu chuẩn tuyển chọn kế toán trưởng VEAM thực hiện theo quy định của Luật Kế toán và các quy định khác của pháp luật.

Điều 29. Bộ máy giúp việc

1. Hội đồng thành viên quyết định phương án tổ chức, quản lý, biên chế và sử dụng bộ máy quản lý của VEAM.

2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ và tương đương do Tổng giám đốc quyết định.

3. Trong quá trình hoạt động, Tổng giám đốc có quyền đề nghị Hội đồng thành viên thay đổi cơ cấu, biên chế, số lượng của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương phù hợp với nhu cầu hoạt động kinh doanh của VEAM và quy định của pháp luật.

Điều 30. Kiểm soát nội bộ

1. Hội đồng thành viên VEAM có thể thành lập Ban Kiểm soát nội bộ. Ban kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ giúp Hội đồng thành viên trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý, điều hành trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con; kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế, khắc phục các sai sót, rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của VEAM.

2. Hội đồng thành viên quy định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện, tiền lương, tiền thưởng, các vấn đề khác có liên quan và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát nội bộ.

Điều 31. Viện nghiên cứu khoa học và đơn vị hạch toán phụ thuộc VEAM

1. Viện nghiên cứu khoa học hoạt động theo chế độ Nhà nước quy định và quy chế do Hội đồng thành viên VEAM phê duyệt.

2. Viện nghiên cứu khoa học được VEAM đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, cấp kinh phí sự nghiệp nằm trong chi phí chung của VEAM và được tổ chức thực hiện chế độ lấy thu bù chi; thực hiện chế độ phân cấp hạch toán do VEAM quy định; được tạo nguồn thu từ việc thực hiện các nhiệm vụ do VEAM giao, thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ, nghiên cứu khoa học và đào tạo, chuyển giao công nghệ với các đơn vị trong và ngoài VEAM; được hưởng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi theo chế độ; được VEAM quyết định những vấn đề khác liên quan trực tiếp đến sự ổn định và phát triển của đơn vị.

3. Đơn vị hạch toán phụ thuộc là đơn vị không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn, tài sản của đơn vị hạch toán phụ thuộc thuộc sở hữu của VEAM và hạch toán kế toán tập trung tại VEAM. Đơn vị hạch toán phụ thuộc VEAM được ký kết các hợp đồng kinh tế, thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, tổ chức và nhân sự theo phân cấp của VEAM quy định trong Điều lệ này hoặc Quy chế của đơn vị hạch toán phụ thuộc do Tổng giám đốc VEAM xây dựng và trình Hội đồng thành viên VEAM phê duyệt. VEAM chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Điều 32. Văn phòng đại diện, chi nhánh và địa điểm kinh doanh

Văn phòng đại diện, chi nhánh và các địa điểm kinh doanh hoạt động theo Quy chế do Hội đồng thành viên VEAM chấp thuận, Tổng giám đốc VEAM ký ban hành và theo quy định của pháp luật có liên quan. Trong quá trình hoạt động, Hội đồng thành viên VEAM quyết định hoặc phê duyệt việc thành lập mới hoặc hủy bỏ các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

Mục 6

THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Điều 33. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng VEAM được hưởng thù lao hoặc lương và lợi ích khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của VEAM.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng VEAM được hưởng thù lao hoặc lương và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của VEAM.

3. Các thành viên không chuyên trách của Hội đồng thành viên VEAM hưởng phụ cấp trách nhiệm, chế độ tiền thưởng và lợi ích khác theo quy định của pháp luật.

Mục 7

THAM GIA QUẢN LÝ VEAM CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 34. Người lao động trong VEAM

1. Người lao động tham gia quản lý VEAM thông qua Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu người lao động trong VEAM; tổ chức công đoàn VEAM; Ban thanh tra nhân dân, thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất với cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy, quy chế nội bộ của VEAM;

b) Nội dung của dự thảo hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể trước khi ký kết;

c) Các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tiết kiệm nguyên vật liệu, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp bố trí lao động;

d) Phương án tổ chức lại, chuyển đổi VEAM;

đ) Tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý, điều hành VEAM khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật;

e) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tập thể người lao động trong VEAM có quyền tham gia giám sát việc thực hiện nghị quyết Hội nghị người lao động; thực hiện các nội quy, quy định, quy chế, Điều lệ của VEAM; thực hiện thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động; việc thu và sử dụng các quỹ do người lao động đóng góp; kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động; kết quả thi đua, khen thưởng hàng năm.

4. Hàng năm VEAM có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Hội đồng thành viên đã thông qua; đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của VEAM và những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

5. Trường hợp VEAM có lao động dôi dư do sắp xếp lại sản xuất kinh doanh thì việc giải quyết chế độ đối với lao động dôi dư theo các quy định của pháp luật.

6. Quan hệ giữa VEAM và người lao động thực hiện theo các quy định pháp luật về lao động. Tổng giám đốc VEAM lập kế hoạch để Hội đồng thành viên VEAM thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong VEAM cũng như mối quan hệ giữa VEAM với các tổ chức công đoàn của người lao động.

Chương IV

TÀI CHÍNH CỦA VEAM

Điều 35. Vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ của VEAM

1. Vốn điều lệ của VEAM tại thời điểm 01/01/2010 là: 2.372.348.812.298 đồng (hai ngàn ba trăm bảy mươi hai tỷ, ba trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm mười hai ngàn, hai trăm chín mươi tám đồng).

2. Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và nguồn bổ sung vốn điều lệ, Chủ sở hữu của VEAM phê duyệt thay đổi vốn điều lệ cho VEAM theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành và phân phối lợi nhuận VEAM

Hội đồng thành viên VEAM ban hành Quy chế quản lý tài chính của VEAM sau khi được Bộ Công Thương chấp thuận.

Điều 37. Tài chính, kế toán, kiểm toán, thanh tra

1. Năm tài chính của VEAM bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. ~~Tổng giám đốc VEAM trình Hội đồng thành viên VEAM phê duyệt~~ kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính năm kế tiếp của VEAM theo quy định hiện hành. Hội đồng thành viên VEAM có trách nhiệm báo cáo Bộ Công thương các kế hoạch kinh doanh hàng năm làm căn cứ để giám sát và đánh giá kết quả quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc VEAM.

3. Trong thời hạn theo quy định của pháp luật: ba mươi (30) ngày sau khi kết thúc mỗi quý, Tổng giám đốc và Kế toán trưởng VEAM phải trình Hội đồng thành viên VEAM báo cáo tài chính trong kỳ. Trong vòng chín mươi (90) ngày sau khi kết thúc mỗi năm tài chính Tổng giám đốc và Kế toán trưởng VEAM phải trình Hội đồng thành viên VEAM phê duyệt các báo cáo tài chính năm báo cáo đã được kiểm toán, gồm: báo cáo tài chính của công ty mẹ, báo cáo tài chính của các công ty thành viên và báo cáo tài chính hợp nhất của tổ hợp công ty mẹ - con.

4. Hội đồng thành viên VEAM phê duyệt báo cáo quyết toán tài chính của VEAM, báo cáo tài chính hợp nhất, thông qua báo cáo tài chính của các công ty con do VEAM nắm giữ 100% vốn điều lệ, trên cơ sở những tài liệu, số liệu đã được cơ quan kiểm toán độc lập thực hiện; gửi báo cáo tài chính hàng năm đến các cơ quan chức năng theo quy định hiện hành.

5. VEAM thực hiện công khai tài chính theo quy định của Nhà nước.

6. VEAM thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

Chương V

QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ Ở DOANH NGHIỆP KHÁC, QUAN HỆ GIỮA VEAM VỚI ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ CÔNG TY TỰ NGUYỆN THAM GIA LIÊN KẾT

Mục I

ĐẦU TƯ Ở DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 38. Đầu tư ở doanh nghiệp khác

1. VEAM có quyền quyết định nắm giữ, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, thoái vốn của VEAM ở doanh nghiệp khác sau khi được Bộ Công Thương và cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt chủ trương.

2. VEAM có các quyền và nghĩa vụ đối với doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của VEAM theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do VEAM làm chủ sở hữu;

~~b) Quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn đối với công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có cổ phần, vốn góp của VEAM;~~

c) Quyền và nghĩa vụ bên liên doanh đối với công ty liên doanh (trong trường hợp công ty liên doanh chưa chuyển đổi và đăng ký lại);

d) Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp có vốn của VEAM tổ chức dưới các hình thức khác ở trong và ngoài nước (nếu có).

Điều 39. Tổ chức thực hiện quản lý hoạt động đầu tư ở doanh nghiệp khác

Hội đồng thành viên VEAM nhân danh VEAM tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ của VEAM đối với hoạt động đầu tư ở doanh nghiệp khác như sau:

1. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Hội đồng thành viên (Chủ tịch công ty), Kiểm soát viên các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do VEAM làm chủ sở hữu theo đề nghị của Tổng giám đốc VEAM.

2. Cử, thay đổi, bãi miễn Người đại diện, giới thiệu Người đại diện ứng cử vào các cơ quan và chức danh quản lý, điều hành theo đề nghị của Tổng giám đốc VEAM, phù hợp với pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của VEAM.

3. Giao nhiệm vụ cho Người đại diện quyết định hoặc thực hiện các nội dung theo quy định của pháp luật về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp

4. Giải quyết những kiến nghị của Người đại diện; kiểm tra, giám sát hoạt động của Người đại diện, phát hiện những thiếu sót, yếu kém của Người đại diện để ngăn chặn, chấn chỉnh kịp thời.

5. Thu lợi tức và chịu rủi ro từ vốn đầu tư của Tổng công ty ở doanh nghiệp khác. Phần vốn thu về, kể cả lãi được chia do VEAM quyết định sử dụng để phục vụ các mục tiêu kinh doanh của VEAM. Trường hợp tổ chức lại thì việc quản lý phần vốn góp này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Giám sát, kiểm tra việc sử dụng vốn đầu tư của VEAM và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư của VEAM ở doanh nghiệp khác.

Điều 40. Người đại diện

1. Người đại diện do Hội đồng thành viên VEAM bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng. Nhiệm kỳ của Người đại diện không quá năm (05) năm và phù hợp với nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên (Chủ tịch công ty) hoặc Hội đồng quản trị của doanh nghiệp có vốn đầu tư của VEAM. Người đại diện có thể được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng lại.

2. Trường hợp VEAM đồng thời cử nhiều Người đại diện tại một doanh nghiệp khác thì phải quy định cụ thể tỷ lệ vốn cho từng người nắm giữ và phân công người phụ trách chung.

3. Người đại diện phần vốn góp của VEAM tại các doanh nghiệp khác phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Thường trú tại Việt Nam;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; có sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ; có uy tín đối với doanh nghiệp có vốn góp của VEAM;

c) Hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Có trình độ đại học chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư của VEAM; có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp. Người đại diện của VEAM ở các công ty liên doanh với nước ngoài phải có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu để làm việc với người nước ngoài trong liên doanh;

đ) Không là bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ hoặc chồng, con, con nuôi, anh chị em ruột của những người trong Hội đồng thành viên (Chủ tịch công ty), Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng của doanh nghiệp có vốn đầu tư của VEAM;

e) Không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với các doanh nghiệp có vốn đầu tư của VEAM, trường hợp có cổ phần ở công ty được cổ phần hóa;

g) Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp;

h) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

4. Người đại diện tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên (Chủ tịch Công ty), Tổng giám đốc (Giám đốc) của các doanh nghiệp khác phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ của doanh nghiệp đó.

Điều 41. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm, quyền lợi của Người đại diện

1. Người đại diện phần vốn góp của VEAM tại các doanh nghiệp khác có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) ~~Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn tại~~ doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của VEAM. Trong trường hợp VEAM nắm cổ phần chi phối, vốn góp chi phối thì Người đại diện sử dụng quyền chi phối để định hướng doanh nghiệp đó thực hiện chiến lược, mục tiêu của VEAM;

b) Tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của VEAM theo quyết định của Hội đồng thành viên VEAM và Điều lệ của doanh nghiệp đó;

c) Theo dõi và giám sát tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của VEAM và báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Hội đồng thành viên; báo cáo về hiệu quả sử dụng phần vốn của VEAM và việc thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng thành viên của VEAM giao.

d) Xin ý kiến Hội đồng thành viên VEAM trước khi tham gia biểu quyết hoặc quyết định tại doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của VEAM về: phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; sửa đổi, bổ sung điều lệ; thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh; tăng, giảm vốn điều lệ; đầu tư dự án; chia lợi tức; bán tài sản có giá trị lớn; cơ cấu tổ chức và những vấn đề quan trọng khác;

đ) Theo dõi, thu lợi tức đầu tư của VEAM; chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên VEAM về quản lý, sử dụng có hiệu quả vốn góp của VEAM ở doanh nghiệp được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp. Trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, lợi dụng quyền đại diện phần vốn góp, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho doanh nghiệp và VEAM thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và bị xử lý theo quy định của pháp luật và Quy chế quản lý tài chính của VEAM;

e) Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Quy chế quản lý Người đại diện phần vốn góp của VEAM tại các doanh nghiệp khác, Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tiền lương, thưởng và quyền lợi của Người đại diện:

a) Người đại diện là thành viên chuyên trách trong ban quản lý, điều hành hoặc là người lao động ở doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của VEAM được hưởng lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng và các quyền lợi khác theo quy định tại Điều lệ doanh nghiệp đó và do doanh nghiệp đó trả; được hưởng tiền phụ cấp Người đại diện do VEAM chi trả theo quy định từ lợi nhuận được chia từ vốn của VEAM góp vào doanh nghiệp khác;

b) Người đại diện là thành viên kiêm nhiệm không tham gia chuyên trách trong ban quản lý, điều hành doanh nghiệp khác thì tiền lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng và các quyền lợi khác theo quy định do VEAM chi trả. Ngoài ra còn được hưởng tiền phụ cấp Người đại diện do VEAM chi trả theo quy định. Trường hợp Người đại diện được các doanh nghiệp khác trả thù lao thì Người đại diện có trách nhiệm nộp các khoản thù lao trên cho VEAM;

c) Khi được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi theo quyết định của công ty cổ phần có cổ phần của VEAM (trừ trường hợp được mua theo quyền của cổ đông hiện hữu) thì Người đại diện phải báo cáo bằng văn bản cho VEAM. VEAM quyết định bằng văn bản số lượng cổ phần Người đại diện được mua theo mức độ đóng góp và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện. Phần còn lại thuộc quyền mua của VEAM. Trường hợp được cử làm đại diện phần vốn góp tại nhiều doanh nghiệp thì Người đại diện được ưu tiên lựa chọn thực hiện quyền mua tại một đơn vị và có trách nhiệm chuyển phần quyền mua cổ phần ở các doanh nghiệp còn lại cho VEAM.

Trường hợp Người đại diện không báo cáo về việc được quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi tại công ty cổ phần có cổ phần của VEAM thì bị xem xét miễn nhiệm tư cách Người đại diện và phải chuyển nhượng lại cho VEAM số cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi được mua trái với quy định theo giá được mua tại thời điểm phát hành. Trường hợp Người đại diện đã bán cổ phiếu này thì phải nộp lại cho VEAM phần chênh lệch giữa giá bán cổ phiếu theo giá thị trường tại thời điểm bán cổ phiếu theo giá thị trường tại thời điểm bán với giá mua và chi phí (nếu có).

3. Người đại diện có nghĩa vụ, trách nhiệm theo Quy chế quản lý Người đại diện, Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp Người đại diện không thực hiện đúng nghĩa vụ, trách nhiệm, làm tổn hại đến lợi ích của Nhà nước, của VEAM thì Hội đồng thành viên VEAM có quyền

xử lý kỷ luật. Trường hợp vi phạm đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì đưa ra pháp luật xử lý theo quy định hiện hành.

4. Việc cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, chế độ đãi ngộ thực hiện theo Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của VEAM.

Điều 42 Quan hệ giữa VEAM với công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

1. Quyền và nghĩa vụ của VEAM đối với công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định tại Điều 64 và Điều 65 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty con.

2. Hội đồng thành viên VEAM nhân danh VEAM tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Khoản 1 Điều này phù hợp với Luật Doanh nghiệp, pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và điều lệ công ty con.

Điều 43. Quan hệ giữa VEAM với các công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên.

1. VEAM có các quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn đối với công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật và điều lệ của công ty đó.

2. Hội đồng thành viên VEAM quản lý cổ phần chi phối, vốn góp chi phối thông qua Người đại diện trên cơ sở các quy định về quản lý vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác, về trách nhiệm của Hội đồng thành viên VEAM và về Người đại diện quy định tại Điều lệ này.

Điều 44. Quan hệ giữa VEAM với các công ty liên kết

1. Công ty liên kết với VEAM là các doanh nghiệp mà VEAM có vốn góp không chi phối trong vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của công ty đó.

2. Công ty liên kết khi sử dụng thương hiệu, biểu tượng của VEAM phải có sự đồng ý bằng văn bản của VEAM về nội dung, mục đích, phạm vi, thời hạn sử dụng, giá trị của thương hiệu, biểu tượng.

3. VEAM có quyền cử đại diện để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn theo điều lệ của công ty liên kết hoặc thực hiện nghĩa vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo hợp đồng liên kết; hoặc giới thiệu người ứng cử vào các chức danh quản lý điều hành của công ty liên kết.

Người đại diện có trách nhiệm xin ý kiến trước khi thực hiện biểu quyết ở công ty liên kết, thực hiện theo Quy chế quản lý Người đại diện vốn góp của VEAM ở doanh nghiệp khác.

4. Công ty liên kết có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với VEAM theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty liên kết.

Điều 45. Quan hệ giữa VEAM với công ty tự nguyện tham gia liên kết

1. Công ty tự nguyện tham gia liên kết với VEAM không có cổ phần, vốn góp của VEAM, được thành lập, tổ chức hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của công ty đó.

2. Công ty tự nguyện tham gia liên kết với VEAM khi sử dụng thương hiệu, biểu tượng của VEAM phải có sự đồng ý bằng văn bản của VEAM về nội dung, mục đích, phạm vi, thời hạn sử dụng, giá trị của thương hiệu, biểu tượng.

3. VEAM và công ty tự nguyện tham gia liên kết chịu sự ràng buộc thông qua thỏa thuận hợp đồng về thương hiệu, thị trường, công nghệ, nghiên cứu, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và các thỏa thuận khác.

Chương VI TỔ CHỨC LẠI, ĐA DẠNG HÓA SỞ HỮU, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VEAM

Điều 46. Tổ chức lại VEAM

1. Việc tổ chức lại, hình thức tổ chức lại VEAM do Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ quyết định. VEAM thực hiện tổ chức lại theo trình tự, thủ tục của pháp luật.

2. Khi được tổ chức lại, VEAM có nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Chuyển đổi sở hữu VEAM

Khi có quyết định chuyển đổi sở hữu, VEAM thực hiện chuyển đổi sở hữu theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Giải thể VEAM

1. VEAM bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a) VEAM kinh doanh thua lỗ kéo dài nhưng chưa lâm vào tình trạng phá sản;

b) VEAM không thực hiện được các nhiệm vụ do Nhà nước giao sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết;

c) Việc duy trì VEAM là không cần thiết.

2. VEAM thực hiện việc giải thể theo trình tự, thủ tục giải thể do pháp luật quy định.

Điều 49. Phá sản VEAM

Trường hợp VEAM mất khả năng thanh toán nợ đến hạn phải trả, mặc dù đã áp dụng các biện pháp tài chính cần thiết nhưng vẫn không có khả năng thanh toán được các khoản nợ này thì xử lý theo quy định của Luật Phá sản.

Chương VII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN VÀ QUYỀN TIẾP CẬN HỒ SƠ, SỔ SÁCH TRONG VEAM

Điều 50. Trách nhiệm báo cáo và thông tin của Tổng giám đốc VEAM

1. Tổng giám đốc có trách nhiệm gửi Hội đồng thành viên VEAM những tài liệu sau đây theo định kỳ hàng quý:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của VEAM;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành VEAM và các báo cáo khác theo quy định.

2. Thành viên Hội đồng thành viên VEAM có quyền yêu cầu Tổng giám đốc VEAM, các cán bộ quản lý của VEAM cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên VEAM.

3. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của VEAM.

Điều 51. Báo cáo và thông tin cho Bộ Công Thương

1. Hội đồng thành viên VEAM lập và gửi Bộ Công Thương những tài liệu sau đây:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh và tài chính của VEAM;
- b) Báo cáo về tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng thành viên VEAM, của từng thành viên Hội đồng thành viên VEAM về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền hoặc ghi tại quyết định bổ nhiệm;

c) Các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

2. Kiểm soát viên báo cáo Bộ Công Thương theo quy định tại Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên tại Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam.

3. Các báo cáo định kỳ được trình ít nhất một lần trong một quý. Báo cáo đột xuất được lập và gửi theo yêu cầu của Bộ Công Thương trong từng trường hợp.

Điều 52. Công khai thông tin

1. Người đại diện theo pháp luật của VEAM là người quyết định và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin ra bên ngoài VEAM. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của VEAM chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của người đại diện theo pháp luật của VEAM hoặc người được người đại diện theo pháp luật của VEAM ủy quyền.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, người đại diện theo pháp luật của VEAM là người chịu trách nhiệm trong tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Chương VIII

BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ VEAM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 53. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ VEAM

Bộ Công Thương quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này theo quy định của pháp luật.

Hội đồng thành viên VEAM có quyền kiến nghị Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

Điều 54. Quản lý con dấu của VEAM

1. Hội đồng thành viên VEAM quyết định thông qua con dấu chính thức của VEAM. Con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc VEAM quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

Điều 55. Nguyên tắc giải quyết bất đồng nội bộ

Giải quyết khiếu nại, bất đồng và tranh chấp nội bộ trên nguyên tắc thương lượng, hòa giải.

Chương IX **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 56. Hiệu lực và phạm vi thi hành

1. Điều lệ gồm có chín (09) chương và năm mươi sáu (56) điều. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Bộ Công Thương phê duyệt.

2. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của VEAM. Tất cả các cá nhân, các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết của VEAM có trách nhiệm thi hành Điều lệ này.

3. Các đơn vị trực thuộc, công ty con của VEAM căn cứ vào các quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của mình và Điều lệ này để xây dựng Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của mình trình Hội đồng thành viên VEAM phê duyệt. Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết của VEAM phải phù hợp với Điều lệ này. Các Quy chế nội bộ của VEAM phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ này.

4. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến hoạt động của VEAM chưa được quy định tại Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định của pháp luật thay đổi dẫn đến mâu thuẫn với những quy định trong Điều lệ này thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Lê Dương Quang

PHỤ LỤC
Các công ty con, Công ty liên kết,
Viện nghiên cứu khoa học, Đơn vị hạch toán phụ thuộc của VEAM
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5285/QĐ-BCT
ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

I. Các chi nhánh, đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ:

1. Chi nhánh Tổng công ty - Nhà máy Đức.
2. Chi nhánh Tổng công ty – Nhà máy Chế biến tinh bột sắn Yên Thành.
3. Chi nhánh Tổng công ty – Nhà máy luyện gang Bắc Kạn.
4. Chi nhánh Tổng công ty tại TP.Hồ Chí Minh.
5. Nhà máy ô tô VEAM.

II. Các công ty do VEAM sở hữu 100% vốn điều lệ:

1. Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Cơ khí Trần Hưng Đạo.
2. Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Diesel Sông Công.
3. Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Máy kéo và Máy nông nghiệp.
4. Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam.

III. Các viện nghiên cứu khoa học do VEAM sở hữu 100% vốn điều lệ:

1. Viện Công nghệ.
2. Viện Nghiên cứu thiết kế chế tạo máy nông nghiệp.

IV. Các công ty do VEAM sở hữu trên 50% vốn điều lệ:

1. Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1.
2. Công ty cổ phần Cơ khí Phô Yên.
3. Công ty cổ phần Cơ khí Chính xác số 1.
4. Công ty cổ phần Cơ khí Cổ Loa.
5. Công ty cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ.
6. Công ty cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM.

7. Công ty VEAM KOREA.

V. Các công ty do VEAM sở hữu dưới 50% vốn điều lệ:

1. Công ty cổ phần Cơ khí Vinh. ✓
 2. Công ty cổ phần Phụ tùng máy số 2. ✓
 3. Công ty cổ phần Cơ khí An Giang. ✓
 4. Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng.
 5. Công ty cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ. ✓
 6. Công ty TNHH HONDA Việt Nam. ✓
 7. Công ty TNHH TOYOTA Việt Nam. ✓
-
8. Công ty TNHH MEKONG Auto. ✓
 9. Công ty cổ phần KUMBA. ✓
 10. Công ty TNHH FORD Việt Nam. ✓
-